

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0173014 - Đồ án Thiết kế Cầu
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Phạm Văn	Bắc	3471010017	23/09/1992		6,00	6,00	
2	Nguyễn Hồ Anh	Ngọc	3571011465	10/06/1993		8,00	8,00	
3	Phạm Văn	Hà	3571011468	20/12/1993		6,00	6,00	
4	Trần Quang	Nhật	3571011471	04/07/1993		6,00	6,00	
5	Châu Triệu	Vỹ	3571011481	21/03/1993		6,00	6,00	
6	Phạm Nhật	Tân	3571011491	20/04/1993		8,00	8,00	
7	Nguyễn Văn	Ngà	3571011497	05/01/1993		5,00	5,00	
8	Nguyễn Anh	Tài	3571011499	26/02/1991		8,00	8,00	
9	Đỗ Quang	An	3571011503	26/06/1993		,00	,00	Nợ HP
10	Nguyễn Văn	Biển	3571011507	15/09/1993		8,00	8,00	
11	Trịnh Hoài	Sơn	3571011511	30/10/1993		6,00	6,00	Nợ HP
12	Nguyễn Thanh	Hùng	3571011512	01/02/1993		8,00	8,00	
13	Nguyễn Đình	Hòa	3571011514	06/01/1993		5,00	5,00	
14	Nguyễn Xuân	Huy	3571011516	19/05/1993		6,00	6,00	
15	Nguyễn Huỳnh	Nhân	3571011522	17/05/1993		,00	,00	Nợ HP
16	Vũ Phạm	Tuân	3571011529	02/01/1990		7,00	7,00	Nợ HP
17	Nguyễn Thanh	Đềm	3571011546	01/04/1993		6,00	6,00	
18	Đặng Trung	Ngân	3571011560	10/01/1993		7,00	7,00	
19	Phan Tấn	Đạt	3571011561	04/05/1993		9,00	9,00	
20	Lại Văn	Viên	3571011600	10/02/1993		,00	,00	Nợ HP
21	Nguyễn Đức	Tài	3571011601	30/04/1992		8,00	8,00	
22	Hồ Lê Minh	Tín	3571011607	24/07/1993		8,00	8,00	
23	Lê Phúc	Đạt	3571011614	13/09/1993		7,00	7,00	
24	Đình Quốc	Vương	3571011616	02/09/1992		5,00	5,00	
25	Nguyễn Mạnh	Công	3571011622	05/11/1993		8,00	8,00	
26	Trương Hoàng	Hải	3571011627	02/05/1993		8,00	8,00	
27	Nguyễn Ngọc	Duy	3571011629	30/04/1993		6,00	6,00	
28	Đặng Thành	Trung	3571011638	30/12/1993		8,00	8,00	
29	Đình Văn	Thân	3571011639	07/08/1992		6,00	6,00	
30	Trần Minh	Huy	3571011642	16/06/1993		6,00	6,00	
31	Bùi Quốc	Thi	3571011650	16/08/1993		8,00	8,00	
32	Nguyễn Thành	Cương	3571011651	20/07/1993		8,00	8,00	
33	Đào Ngọc	Tú	3571011657	16/06/1993		6,00	6,00	
34	Đặng Tiến	Đạt	3571011662	11/05/1993		5,00	5,00	
35	Huỳnh Ngọc	Phát	3571011677	02/09/1993		8,00	8,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Đoàn Tấn	Hưng	3571011681	24/06/1992		7,00	7,00	
37	Lý Quang	Trung	3571011686	15/06/1993		9,00	9,00	
38	Dương Hải	Đăng	3571011711	07/10/1993		8,00	8,00	
39	Lê Phước	Nhân	3571011712	04/09/1993		7,00	7,00	
40	Nguyễn Hữu	Phụng	3571011717	20/05/1993		6,00	6,00	
41	Nguyễn	Ngọc	3571011721	20/05/1993		5,00	5,00	
42	Phan Tiến	Điệp	3571011729	07/04/1989		,00	,00	Nợ HP
43	Lê Thanh	Triều	3571011744	20/07/1993		7,00	7,00	
44	Lê Đình	Vượng	3571011758	12/08/1993		6,00	6,00	
45	Hà Anh	Hoàng	3571011762	01/01/1993		6,00	6,00	
46	Phí Quang	Tuấn	3571011770	21/02/1993		7,00	7,00	
47	Nguyễn Ngọc	Sơn	3571011807	25/03/1993		7,00	7,00	
48	Nguyễn Trọng	Tín	3571011812	30/12/1993		7,00	7,00	
49	Trần Vĩnh	Huy	3571011824	12/09/1993		7,00	7,00	
50	Trịnh Hoài	Vỹ	3571011825	02/02/1992		6,00	6,00	Nợ HP
51	Nguyễn Huỳnh	Tùng	3571011840	14/02/1992		6,00	6,00	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)